TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984; thường trú: Số 04/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976; thường trú: Số 04/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 (Hai) năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D (nay là phường Đ, thành phố D), tỉnh Bình Dương vào năm 2007. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại địa chỉ 4/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T mê cờ bạc, không chịu làm ăn, không chăm lo cho vợ con dẫn đến việc phá tán tài sản của gia đình. Chị H đã nhiều lần cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc chị H không còn tình cảm với anh T. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Cuộc sống vợ chồng mạnh ai lấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị H không còn muốn chung sống với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 16/02/2008. Hiện con chung đang ở với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 5 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của chị Phạm Thị H về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng. Anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh T mê cờ bạc, không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Anh T xác định vẫn còn tình cảm và mong chị H cho cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của chị Phan Thị H. Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 16/02/2008. Hiện con chung đang ở với chị H. Anh Nguyễn Thanh T không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Anh Nguyễn Thanh T cư trú tại số 04/11 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 27/6/2022 và ngày 30/6/2022 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D (nay là phường Đ, thành phố D), tỉnh Bình Dương vào năm 2007, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 01 ngày 12/12/2007 nên quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh T là hợp pháp.

Nguyên đơn chị Phan Thị H và anh Nguyễn Thanh T đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, anh T mê cơ bạc nên dẫn đến phá tán tài sản của gia đình, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 10 năm nay, mâu thuẫn kéo dài dẫn nhưng không có giải pháp gì để hàn gắn. Anh T xác định còn tình cảm và muốn đoàn tụ với chị H nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc chị H không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ với anh T.

Xét để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Chị H và anh T là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, hai vợ chồng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Phạm Thị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung, cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 16/02/2008. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng con chung.

Anh T không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét cháu Nguyễn Thị Cẩm L đang ở cùng với chị H, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng được sống cùng chị H. Mâu thuẫn vợ chồng của chị H xuất phát từ việc anh T không chăm lo cho vợ con nên xét yêu cầu của chị H về việc nuôi con được chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D (nay là phường Đ, thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/12/2007).

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T giao con chung, cháu Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 16/02/2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0003930 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết